

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC: 2026-2027

LỚP NHÀ TRẺ 3

Căn cứ vào Chương trình giáo dục Mầm Non ban hành theo Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020;

Căn cứ Kế hoạch phát triển giáo dục nhà trường năm học 2026-2027 của trường Mầm non Hồng Đào;

Căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường và đặc điểm phát triển của trẻ lớp nhà trẻ 3 tại trường mầm non Hồng Đào;

Lớp nhà trẻ 3 xây dựng Kế hoạch giáo dục cho năm học 2026 - 20267 dựa trên mục tiêu Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ 24-36 tháng tuổi.

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Quy mô nhóm, lớp

- Sĩ số lớp 32 trẻ năm học 2026- 2027, nhà trường giao chỉ tiêu huy động trẻ ra lớp là 20,5 trẻ.

Hiện nay đã huy động được 32 trẻ (Vượt 11,5 cháu so với chỉ tiêu giao).

+ Nam: 12 trẻ

+ Nữ: 20 trẻ

- Giáo viên chủ nhiệm:

+ Cô Lâm Thị Thành Mỹ

+ Cô Trương Thị Hồng

2. Thuận lợi

Trường Mầm non Hồng Đào nằm trên địa bàn phường An Khê, thành phố Đà Nẵng được thành lập năm 1997 và sau khi thực hiện chính quyền 2 cấp trường được thành lập theo Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 01/07/2026 của UBND phường An Khê về việc thành lập trường MN Hồng Đào thuộc UBND Phường An Khê. Trong 29 năm qua, nhà trường đã có bề dày thành tích đáng tự hào, đã tạo được uy tín với Đảng uỷ, chính quyền địa phương và nhân dân. Từ ngôi trường này biết bao thế hệ học sinh được giáo dục, trưởng thành và đã có nhiều đóng góp xứng đáng cho công cuộc xây dựng và phát triển giáo dục địa phương.

- Trong nhiều năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương. Nhà trường đã được công nhận là cơ sở giáo dục đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1 trong 5 năm kể từ ngày 05/01/2024.

- Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sắc của các cấp lãnh đạo nhà trường
- Luôn nỗ lực học hỏi của giáo viên đứng lớp
- Giáo viên có tư cách đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, trách nhiệm, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ.
- Được sự quan tâm của phụ huynh học sinh trong xây dựng, tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ trong nhà trường.

3. Khó khăn

- Phụ huynh phần lớn có ông bà hay cho các cháu nghỉ học, gặp không ít khó khăn trong việc phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh dẫn đến cháu hay đi học khóc nhè, không đảm bảo chuyên cần của lớp
- Phần lớn phụ huynh chưa coi trọng việc học ở cấp bậc mầm non, chỉ quan tâm đến việc con mình có biết đọc, biết viết mà chưa chú trọng đến việc phát triển toàn diện hài hòa cho trẻ.
- Độ tuổi này các cháu đi học chưa tự phục vụ bản thân

II. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TRẺ 24 - 36 THÁNG

1. Mục tiêu

Chương trình giáo dục trẻ 24-36 tháng tuổi nhằm giúp trẻ từ 24 đến 36 tháng tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ; hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách và phát triển ở trẻ những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng và hồn nhiên, yêu thích cái đẹp; ham hiểu biết, thích đi học, hợp tác nhóm, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời cho trẻ.

Giáo viên chủ động lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của độ tuổi mình phụ trách, tình hình thực tế của lớp để xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục nhằm phát triển toàn diện cho trẻ.

2. Kế hoạch thực hiện

a) Phân phối thời gian: Chương trình thực học 35 tuần, học kỳ I gồm 18 tuần; học kỳ II gồm 17 tuần. Ngày nghỉ lễ, nghỉ tết theo quy định.

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ NĂM HỌC 2026 – 2027

Nhà trẻ 24-36 tháng

Chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian thực hiện	Ghi chú
Ổn định nề nếp		1	28/8/2026- 31/8/2026	<i>Tự trường</i> <i>Ổn định nề nếp</i>

		2	01/9/2026-	<i>Ngày hội đến trường của Bé</i>
CÁC CÔ CÁC BÁC TRONG NHÀ TRẺ (3 tuần)	Cô giáo của bé	3	07/9/2026- 11/9/2026	
	Công việc của cô giáo	4	14/9/2026- 18/9/2026	
	Bé vui trung thu	5	21/9/2026- 25/9/2026	<i>Vui hội trăng rằm</i>
MẸ VÀ NHỮNG NGƯỜI THÂN YÊU (4 tuần)	Ngôi nhà của bé	6	28/9/2026- 02/10/2026	
	Bé kể về người thân của bé	7	05/10/2026- 09/10/2026	
	Nhà bé có đồ dùng gì	8	12/10/2026- 16/10/2026	
	Bé và ngày lễ của bà và mẹ	9	19/10/2026- 23/10/2026	<i>Ngày Hội bà, mẹ và cô giáo</i>
BẢN THÂN (4 tuần)	Các bạn của bé	10	26/10/2026- 30/10/2026	
	Cơ thể của bé	11	02/11/2026- 06/11/2026	
	Khuôn mặt của bé	12	09/11/2026- 13/11/2026	
	Các giác quan của bé	13	16/11/2026- 20/11/2026	<i>Ngày Nhà giáo Việt Nam</i>
ĐỒ CHƠI CỦA BÉ(4 tuần)	Đồ chơi trong lớp	14	23/11/2026- 27/11/2026	
	Đồ chơi ở nhà	15	30/11/2026- 04/12/2026	
	Đồ chơi chuyển động	16	07/12/2026-	
	Đồ chơi lắp ghép	17	14/12/2026- 18/12/2026	
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG	Phương tiện giao thông đường bộ	18	21/12/2026- 25/12/2026	<i>QĐNDVN 22/12</i>
	Phương tiện giao	19	28/12/2026-	

(3 tuần)	thông đường hàng không		01/01/2027	
	Phương tiện giao thông đường thủy	20	04/01/2027-08/01/2027	Ôn tập, Kết thúc học kỳ I (trước ngày 09/01/2027)
MÙA XUÂN ĐẾN RỒI (4 tuần)	Các loại quả bé thích	21	11/01/2027-15/01/2027	
	Những bông hoa đẹp	22	18/01/2027-22/01/2027	
	Bé với các loại củ	23	25/01/2027-29/01/2027	
	Lễ hội mùa xuân	24	01/02/2027-05/02/2027	
NHỮNG CON VẬT ĐÁNG YÊU (3 tuần)		25	08/02/2027-12/02/2027	<i>Nghỉ tết Nguyên Đán</i>
		26	15/02/2027-19/02/2027	<i>Ôn định nền nếp, ôn tập</i>
	Con vật thân yêu trong gia đình	27	22/02/2027-26/02/2027	
	Những con vật sống trong rừng	28	01/3/2027-05/3/2027	
	Những con vật sống dưới nước	29	08/3/2027-12/3/2027	<i>Ngày hội của Bà, Mẹ và Cô giáo</i>
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG (3 tuần)	Thành phố của em tên gì?	30	15/3/2027-19/3/2027	
	Thành phố của em có những cây cầu nào nổi tiếng?	31	22/3/2027-26/3/2027	
	Công viên 29-03	32	29/3/2027-02/4/2027	<i>Giải phóng thành phố Đà Nẵng</i>
MÙA HÈ CỦA BÉ (3 tuần)	Thời tiết mùa hè	33	05/4/2027-09/4/2027	
	Quần áo trang phục mùa hè	34	12/4/2027-16/4/2027	

tuần)	Bé được làm gì trong mùa hè	35	19/4/2027-23/4/2027	
BÉ LÊN MẪU GIÁO (4 tuần)	Bé yêu lớp	36	26/4/2027-30/4/2027	
	Bé lên mẫu giáo	37	03/5/2027-07/5/2027	
	Hoạt động của bé trong lớp	38	10/5/2027-14/5/2027	
	Cùng bé vào mẫu giáo	39	17/5/2027-21/5/2027	Sinh nhật Bác Hồ - Hoàn thành chương trình năm học
Tổ chức lễ ra trường Phát thưởng - Tổng kết năm học		40	24/5/2027-28/5/2027	Tổ chức lễ ra trường - Tổng kết năm học

b) Chế độ sinh hoạt

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ NHÀ TRẺ 24 – 36 THÁNG

- Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ.
- Ngủ: 1 giấc trưa.

Thời lượng	Thời gian	Hoạt động
30 phút	7h00-7h30	Đón trẻ, tắm nắng
30 phút	7h30-8h00	Ăn sáng
120 phút	8h00-10h00	Chơi - Tập
60 phút	10h00-11h00	Ăn chính
30 phút	11h-11h30	Vệ sinh
150 phút	11h30-14h00	Ngủ
30 phút	14h00-14h20	Ăn phụ
50 phút	14h20-15h10	Chơi - Tập
50 phút	15h10-16h00	Ăn chính
60 phút	16h00-17h00	Chơi/Trả trẻ

3. Nội dung

a) Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ (chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày)
18 - 24 tháng	Cơm nát + Sữa mẹ	930 - 1000 Kcal	600 - 651 Kcal

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Hai bữa chính và một bữa phụ.

+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

+ Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

- Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi:

- Trẻ từ 24 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

- Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

-Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

- Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

b) Giáo dục

Nội dung giáo dục theo độ tuổi 24 – 36 tháng

+ Cân nặng của trẻ trai: 11,3 - 18, 3 kg: trẻ gái: 10,8 - 18,1 kg

+ Chiều cao của trẻ trai: 88,7 – 103,65 cm ; trẻ gái: 88,7 – 102,7 cm.

TT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC
I.GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
1. Phát triển vận động		
- Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
1	MT1: Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	*Các động tác hô hấp:
		- Hít vào, thở ra
		- Thổi nơ
		- Gà gáy
		- Ngủ hoa
		- Máy bay
		Tay - vai :
		- Hai tay đưa lên cao
		- Hai tay đưa ra phía trước
		- Hai tay đưa sang ngang
		- Đưa hai tay ra phía sau kết hợp với lắc bàn tay
		Bụng - lườn:
		- Đứng cúi người về trước
		- Nghiêng người sang hai bên
		- Vặn người sang 2 bên
		Chân:
		- Ngồi xuống, đứng lên
		- Co, duỗi từng chân
	- Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu	
2	MT2: Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi / chạy thay đổi tốc độ nhanh – chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	- Đi trong đường hẹp
		- Đi trong đường ngoằn ngoèo
		- Đi có mang vật trên tay
		- Đi bước vào các ô
		- Đi theo hiệu lệnh.
		- Đi kết hợp với chạy

		- Chạy đổi hướng
		- Bước qua gậy kê cao 5cm
		- Bước lên bậc cao 15cm
		- Chạy theo hướng thẳng.
		- Bước lên xuống bậc có vịn
		- Đứng co 1 chân
3	MT3: Trẻ thực hiện được phối hợp vận động tay- mắt: Tung-bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1-1,2m	- Tung - bắt bóng cùng cô (Tung bóng bằng 2 tay, tung bóng qua dây)
		- Ném bóng về phía trước
		- Ném bóng vào đích
4	MT4: Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	- Bò thẳng hướng và có vật trên lưng
		- Bò trườn qua vật cản (bò theo đường ngoằn ngoèo)
		- Bò chui qua cổng, trườn về đích.
5	MT5: Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng.	- Ném xa lên phía trước bằng 1 tay tối thiểu 1,5m
		- Nhún bật tại chỗ.
		- Nhún bật về phía trước
		- Bật xa bằng 2 chân
		- Bật qua vạch kẻ/ qua vòng
	- Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay.	
6	MT6: Trẻ vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau.
		- Rót, nhào, khuấy, đảo.
		- Vò xé.
		- Nhón nhặt đồ vật
7	MT7: Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động.	- Tập khâu, luồn dây, cài, cời
		- Đóng cọc bàn gỗ.
		- Chắp ghép hình.
		- Chồng, xếp 6-8 khối.
		- Tập cầm bút tô, vẽ.

		– Lật mở trang sách
	2. Giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe.	
	- Có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	
8	MT8: Trẻ khỏe mạnh, Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng-chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi của bé trai: - Cân nặng: 9,7kg-15,3kg – Chiều cao: 88,7cm-103,5cm - Trẻ khỏe mạnh, cân nặng-chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi của bé gái: - Cân nặng: 9,1kg-14,8kg – Chiều cao: 87.4cm-102.7cm
9	MT9: Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa	Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa
10	MT10: Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định	- Nói với người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định.
	- Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe	
11	MT11: Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn	- Xúc cơm, uống nước, đi vệ sinh - Chuẩn bị chỗ ngủ. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay trước khi ăn, khi bẩn; lau mặt, uống nước sau khi ăn. - Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt, mặc quần áo ấm khi trời lạnh.
12	MT12: Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Đội mũ khi ra nắng, đi giày dép, mặc quần áo mỏng khi trời nóng, lạnh.
	- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	
13	MT13: Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm (ao, hồ, sông, ngòi, ổ điện...) không được phép sờ vào hoặc đến gần (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng)

14	MT14: Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, ...)
II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
- Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan		
15	MT15: Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ...hiện tượng, đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt- mặn – chua). - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu
- Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi.		
16	MT16: Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
17	MT17: Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp
18	MT18: Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân
19	MT19: Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, PTGT con vật, quen thuộc.	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của đồ vật, con vật, rau, hoa, quả PTGT, quen thuộc.

20	MT20: Trẻ chỉ/ nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh. - Đồ dùng đồ chơi của bản thân và của nhóm lớp.
21	MT21:Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước to - nhỏ.
		-Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ.
		- Số lượng một - nhiều.
		-Hình tròn, hình vuông
III. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
Nghe hiểu lời nói		
23	MT23:Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 – 3 hành động.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.
24	MT24:Trẻ biết trả lời các câu hỏi khi được hỏi.	-Nghe và hiểu các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào? (Ví dụ: Con gà gáy thế nào?).
25	MT25:Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn, đơn giản: Trả lời các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Lắng nghe cô kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao...
		- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần có gợi ý.
- Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu		
26	MT26:Trẻ phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau.
27	Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.
		- Lắng nghe người lớn đọc sách
- Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp		
28	MT27:Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc , gần gũi trẻ	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
		-Trò chuyện về chủ đề, về các hiện tượng tự nhiên,
		- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.

29	MT29: Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp
		- Chào hỏi, trò chuyện.
		- Bày tỏ nhu cầu của bản thân.
		- Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?; Trả lời và đặt câu hỏi: “ Cái gì?”, “Làm gì?”, “ Ở đâu?”, “ để làm gì?”, “ Tại sao?”...
30	MT30:Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn
IV. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MĨ		
- Biểu lộ sự nhận thức về bản thân		
31	MT31:Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	- Tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.
		- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.
32	MT32:Trẻ thể hiện điều mình thích và không thích.	- Một số đồ dùng, đồ chơi mà mình thích hoặc không thích
		- Một số loại hoa quả, rau củ mà mình thích hoặc không thích.
- Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi.		
33	MT33: Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.
34	MT34:Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	-Nhận biết một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.
35	MT35:Trẻ biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	-Thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.
36	MT36:Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi.	- Quan tâm đến các vật nuôi.
		- Bắt chước tiếng kêu của các con vật.
- Thực hiện hành vi xã hội đơn giản		

37	MT37: Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	-Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, ‘vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn.
38	MT38: Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ	- Tham gia các trò chơi cùng bạn (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).
		- Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi
39	MT39: Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.
40	MT40: Trẻ biết thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định
- Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh.		
41	MT41: Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	-Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ.
		- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.,
42	MT42: Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	-Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình.
		- Xem tranh.

4. Các hoạt động giáo dục, hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục

a) Các hoạt động giáo dục

- Hoạt động giao lưu cảm xúc

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hơn hờ, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi.

- Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

- Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ

có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

- Hoạt động chơi - tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

- Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

b) Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục

Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.

Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), ...

- Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- + Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- + Tổ chức hoạt động ngoài trời.
- + Tổ chức hoạt động vườn trường.

- Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- + Tổ chức hoạt động cá nhân.
- + Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- + Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

c) Phương pháp giáo dục:

- Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gắn bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

- Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

+ Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện

trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

- Nhóm phương pháp thực hành

+ Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi:

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

Trò chơi:

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

Luyện tập:

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

- Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

- Nhóm phương pháp nêu gương đánh giá

+ Nêu gương: Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo

+ Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ ở thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

- Giáo viên linh hoạt áp dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến trên thế giới và các Dự án để giúp trẻ phát triển một cách toàn diện.

- + Phương pháp Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.
- + Dự án Cộng đồng Ứng dụng Dạy học sáng tạo (VVOB).
- + Phương pháp giáo dục theo hướng tiếp cận Reggio Emilia.
- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa theo kế hoạch của chuyên môn trường:

- Ngày hội đến trường của bé
- Tết Trung thu
- Ngày thành lập Hội liên hiệp phụ nữ VN 20/10
- Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11
- Ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam 22/12
- Tết Nguyên đán
- Kỷ niệm ngày quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày giải phóng Thành phố Đà Nẵng.
- Ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6...

5. Đánh giá sự phát triển của trẻ

a) Đánh giá trẻ hằng ngày

- Mục đích đánh giá

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non, nhận định về sự phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

- Nội dung đánh giá
 - + Tình trạng sức khỏe của trẻ.
 - +Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
 - + Kiến thức, kỹ năng của trẻ.
- Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- + Quan sát.
- + Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- + Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- + Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

b) Đánh giá trẻ theo giai đoạn

- Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

- Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

- Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.

- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.

- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.

- Sử dụng bài tập tình huống.

- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

- Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối độ tuổi (6, 12, 18, 24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi.

- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi./.

GIÁO VIÊN

Lâm Thị Thành Mỹ

Trương Thị Hồng